UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Số: 1880/QĐ - ĐHHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học đợt 2 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 867/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ cho trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-ĐHHĐ ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc công nhận danh sách trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 115 học viên cao học đợt 2 năm 2021 có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các học viên có trách nhiệm thực hiện và được hưởng mọi quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông(bà)Trưởng phòng QLĐT Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 2 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1880 /QĐ-ĐHHĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021)

1. Chuyên ngành: Khoa học máy tính — Mã số: 8480101

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	21848010101	Lê Văn Hải	Biên	Nam	11.4.1999	Đắc Lắc	
2	21848010102	Mai Mạnh	Cầm	Nam	12.12.1992	Thanh Hóa	
3	21848010103	Đặng Anh	Chung	Nam	10.8.1979	Thanh Hóa	
4	21848010104	Nguyễn Văn	Cường	Nam	19.9.1996	Thanh Hóa	
5	21848010105	Nguyễn Xuân	Đồng	Nam	26.12.1982	Thanh Hóa	
6	21848010106	Nguyễn Trọng	Dũng	Nam	21.3.1979	Thanh Hóa	
7	21848010107	Nguyễn Sơn	Hà	Nam	01.4.1981	Thanh Hóa	
8	21848010108	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	17.3.1985	Thanh Hóa	
9	21848010109	Lê Thị	Huyên	Nữ	18.11.1977	Thanh Hóa	
10	21848010110	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	30.4.1983	Thanh Hóa	
11	21848010111	Nguyễn Văn	Khôi	Nam	17.12.1995	Thanh Hóa	
12	21848010112	Nguyễn Mậu	Lâm	Nam	20.12.1993	Thanh Hóa	
13	21848010113	Nguyễn Xuân	Linh	Nam	12.9.1992	Thanh Hóa	
14	21848010114	Bùi Thị	Phương	Nữ	02.5.1986	Thanh Hóa	
15	21848010115	Lê Thị	Phương	Nữ	11.10.1986	Thanh Hóa	
16	21848010116	Lê Xuân	Sang	Nam	27.3.1983	Thanh Hóa	
17	21848010117	Trần Hữu	Toản	Nam	14.4.1979	Thanh Hóa	

2. Chuyên ngành: Kế toán — Mã số: 8340301

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
18	21834030123	Đào Thị Vân	Anh	Nữ	29.11.1979	Thanh Hóa	
19	21834030124	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	17.7.1989	Thanh Hóa	
20	21834030125	Lê Đức Việt	Anh	Nam	15.4.1993	Thanh Hóa	
21	21834030126	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	24.02.1994	Thanh Hóa	
22	21834030127	Lê Thị	Duyên	Nữ	28.8.1994	Thanh Hóa	
23	21834030128	Phạm Thị	Hà	Nữ	30.01.1982	Thanh Hóa	
24	21834030129	Trịnh Thị	Hải	Nữ	06.02.1990	Thanh Hóa	
25	21834030130	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	14.12.1981	Thanh Hóa	
26	21834030131	Đỗ Thị	Hồng	Nữ	20.11.1987	Thanh Hóa	
27	21834030132	Lê Việt	Hùng	Nam	12.11.1990	Thanh Hóa	

28	21834030133	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	27.01.1998	Thanh Hóa	
29	21834030134	Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	14.6.1990	Thanh Hóa	
30	21834030135	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07.3.1987	Thanh Hóa	
31	21834030136	Dương Thùy	Linh	Nữ	23.11.1998	Thanh Hóa	
32	21834030137	Đỗ Thị	Linh	Nữ	28.11.1991	Thanh Hóa	
33	21834030138	Bùi Ngọc	Linh	Nam	25.02.1997	Thanh Hóa	
34	21834030139	Hà Thị	Loan	Nữ	10.7.1989	Thanh Hóa	
35	21834030140	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	28.4.1991	Thanh Hóa	
36	21834030141	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	18.12.1989	Thanh Hóa	
37	21834030142	Lưu Thị	Phượng	Nữ	10.5.1986	Thanh Hóa	
38	21834030143	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	14.10.1996	Thanh Hóa	
39	21834030144	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09.09.1981	Thanh Hóa	
40	21834030145	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	30.3.1990	Thanh Hóa	
41	21834030146	Hà Thị	Thúy	Nữ	03.8.1997	Thanh Hóa	
42	21834030147	Lê Thị	Thủy	Nữ	20.6.1988	Thanh Hóa	
43	21834030148	Tô Thị	Thủy	Nữ	31.7.1984	Thanh Hóa	
44	21834030149	Hoàng Thị	Trang	Nữ	23.02.1992	Thanh Hóa	
45	21834030150	Hoàng Thu	Trang	Nữ	05.7.1986	Thanh Hóa	
46	21834030151	Lê Thị	Trang	Nữ	16.6.1988	Thanh Hóa	
47	21834030152	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	09.5.1996	Thanh Hóa	
48	21834030153	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	22.4.1997	Thanh Hóa	
49	21834030154	Lê Anh	Tuấn	Nam	02.02.1988	Thanh Hóa	
50	21834030155	Hoàng Hồng	Vân	Nữ	10.9.1998	Thanh Hóa	
51	21834030156	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	08.9.1998	Thanh Hóa	
52	21834030157	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	06.7.1990	Thanh Hóa	
53	21834030158	Lê Hải	Yến	Nữ	23.5.1998	Thanh Hóa	

3. Chuyên ngành: Toán giải tích **Mã số: 8460102**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
54	21846010207	Lê Duy	Lâm	Nam	20.3.1981	Thanh Hóa	
55	21846010208	Vũ Thị	Phượng	Nữ	30.10.1987	Thanh Hóa	
56	21846010209	Lại Duy	Tám	Nam	18.8.1978	Thanh Hóa	
57	21846010210	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	01.10.1988	Thanh Hóa	

4. Chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số **Mã số: 8460104**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
58	21846010405	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25.5.1981	Thanh Hóa	
59	21846010406	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	25.7.1998	Thanh Hóa	

60	21846010407	Trần Duy	Nguyên	Nam	16.02.1999	Thanh Hóa	
61	21846010408	Hồ Thị Thanh	Phương	Nữ	09.6.1982	Thanh Hóa	
62	21846010409	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	08.02.1999	Thanh Hóa	

5. Chuyên ngành: Vật lý chất rắn **Mã số: 8440104**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
63	21844010401	Phạm Hữu	Bình	Nam	10.8.1982	Thanh Hóa	
64	21844010402	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	20.8.1980	Thanh Hóa	
65	21844010403	Hoàng Thị	Hương	Nữ	19.11.1984	Thanh Hóa	
66	21844010404	Phạm Xuân	Linh	Nam	28.9.1980	Thanh Hóa	
67	21844010405	Lê Thế	Phương	Nam	23.7.1981	Thanh Hóa	
68	21844010406	Nguyễn Văn	Quyền	Nam	01.7.1982	Thanh Hóa	
69	21844010407	Nguyễn Xuân	Thuấn	Nam	27.10.1990	Thanh Hóa	
70	21844010408	Đỗ Ánh	Tuyết	Nữ	23.12.1984	Thanh Hóa	
71	21844010409	Trần Văn	Đạt	Nam	28.04.1980	Thanh Hóa	

6. Chuyên ngành: Hóa hữu cơ **Mã số: 8440114**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
72	21844011411	Phạm Văn	Giáp	Nam	11.02.1984	Thanh Hóa	
73	21844011412	Lê Thị	Hồng	Nữ	12.01.1982	Thanh Hóa	
74	21844011413	Đồng Khắc	Hưng	Nam	05.5.1982	Thanh Hóa	
75	21844011414	Lê Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	21.10.1997	Thanh Hóa	
76	21844011415	Phạm Văn	Tuấn	Nam	20.10.1979	Thanh Hóa	

7. Chuyên ngành: Thực vật học **Mã số: 8420111**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
77	21842011104	Trịnh Minh	Đường	Nam	15.10.1982	Thanh Hóa	
78	21842011105	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	05.6.1980	Thanh Hóa	
79	21842011106	Bùi Xuân	Hồng	Nam	26.4.1979	Thanh Hóa	
80	21842011107	Phạm Thị	Lưu	Nữ	10.3.1982	Thanh Hóa	
81	21842011108	Lò Thị	Quyến	Nữ	04.02.1989	Thanh Hóa	
82	21842011109	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	03.9.1981	Thanh Hóa	
83	21842011110	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	10.3.1980	Thanh Hóa	
84	21842011111	Đoàn Thanh	Văn	Nam	20.8.1979	Thanh Hóa	

8.Chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng **Mã số: 8580201**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
85	21858020108	Nguyễn Trọng	Minh	Nam	12.3.1995	Thanh Hóa	
86	21858020109	Phạm Văn	Tuấn	Nam	06.5.1995	Thanh Hóa	

9. Chuyên ngành: Lý luận và PPDHBM Văn - Tiếng Việt **Mã số: 8140111**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
87	21814011109	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22.6.1981	Thanh Hóa	
88	21814011110	Nguyễn Thị Ngọc	Hồng	Nữ	09.9.1999	Thanh Hóa	
89	21814011111	Ngô Thị Thu	Khuyên	Nữ	11.01.1981	Ninh Bình	
90	21814011112	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16.11.1981	Thanh Hóa	
91	21814011113	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05.7.1980	Thanh Hóa	
92	21814011114	Chu Thị	Nguyệt	Nữ	10.10.1984	Thanh Hóa	
93	21814011115	Lê Thị	Nhung	Nữ	15.6.1980	Thanh Hóa	
94	21814011116	Mai Thị Hương	Thơm	Nữ	24.5.1994	Thanh Hóa	
95	21814011117	Lê Thị Thu	Thùy	Nữ	20.02.1997	Thanh Hóa	
96	21814011118	Mai Thị	Hà	Nữ	26.6.1979	Thanh Hóa	

10. Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam **Mã số:8220102**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
97	21822010201	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	20.4.1982	Thanh Hóa	
98	21822010202	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	08.01.1977	Thanh Hóa	
99	21822010203	Lê Thị	Luyến	Nữ	08.12.1986	Thanh Hóa	
100	21822010204	Vũ Thị	Huệ	Nữ	19.8.1984	Thanh Hóa	

11. Chuyên ngành: Địa lý học **Mã số: 8310501**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
101	21831050108	Lê Thị	Chinh	Nữ	24.02.1985	Thanh Hóa	
102	21831050109	Phạm Thị Thu	Hồng	Nữ	04.11.1978	Thanh Hóa	
103	21831050110	Đinh Thị	Hương	Nữ	10.2.1979	Thanh Hóa	
104	21831050111	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	30.8.1978	Thanh Hóa	
105	21831050112	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03.7.1983	Thanh Hóa	
106	21831050114	Dương Thị	Thanh	Nữ	29.3.1981	Thanh Hóa	
107	21831050115	Lê Tố	Uyên	Nữ	21.3.1994	Thanh Hóa	
108	21831050116	Trần Lê	Vân	Nữ	26.7.1981	Thanh Hóa	
109	21831050117	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	27.11.1978	Thanh Hóa	

12.Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam **Mã số: 8229013**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
110	21822901306	Lê Thị	Nhạn	Nữ	18.4.1981	Thanh Hóa	
111	21822901307	Lê Thị	Trang	Nữ	31.12.1990	Thanh Hóa	
112	21822901308	Mai Thị	Vui	Nữ	12.7.1987	Thanh Hóa	

13.Chuyên ngành: Khoa học cây trồng **Mã số: 8620110**

TT	Mã số HV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
113	21862011001	Ngô Văn	Hạnh	Nam	20.5.1983	Thanh Hóa	
114	21862011002	Hoàng Thị Tố	Linh	Nữ	19.8.1998	Thanh Hóa	
115	21862011003	Lò Bá	Lực	Nam	18.02.1998	Thanh Hóa	

(Ấn định danh sách có 115 học viên)./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Bùi Văn Dũng